

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế lĩnh vực
Chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Bộ Nội vụ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 Của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/12/2012 ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 667/QĐ-BNV ngày 03 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Bộ (để đăng tải vào CSDLQG);
- Cổng TTĐT Bộ Nội vụ (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (VTLT&KSTTHC).

BỘ TRƯỞNG

Lê Vĩnh Tân

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, THAY THẾ
LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NỘI VỤ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Nội dung sửa đổi, thay thế	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, thôn tổ dân phố.	Chính quyền địa phương.	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Sở Nội vụ .	- Thành phần hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. - Quy trình thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. - Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.	Thông tư 14/2018 ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC THẨM ĐỊNH THÀNH LẬP THÔN MỚI, TỔ DÂN PHỐ MỚI

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.
- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.
- Bước 3: Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Bước 5: Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, đề án, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có).
- Bước 6: Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Nội vụ hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ phải có xác nhận văn bản đến của cơ quan có thẩm quyền, nếu gửi qua đường bưu điện thời gian được tính từ ngày đến trên phong bì.

3. Thành phần hồ sơ

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã về thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;
- b) Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:
 - Sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;
 - Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới;
 - Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới;
 - Các điều kiện khác quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư 04/2012 ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ;

- Đề xuất, kiến nghị.

c) Tổng hợp kết quả lấy ý kiến và biên bản lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

d) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc thông qua Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

4. Thời hạn giải quyết

Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ đầy đủ hợp pháp của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Thôn, tổ dân phố.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sở Nội vụ (thẩm định).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

8. Lệ phí

Không có.

9. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố

1. Trong trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã, tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải đạt các điều kiện sau:

a) Quy mô số hộ gia đình:

Đối với thôn ở xã:

Thôn ở xã thuộc các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc có từ 150 hộ gia đình trở lên;

Thôn ở xã thuộc các tỉnh Đồng bằng sông Hồng có từ 300 hộ gia đình trở lên;

Thôn ở xã thuộc các tỉnh miền Trung có từ 250 hộ gia đình trở lên;

Thôn ở xã thuộc các tỉnh miền Nam có từ 350 hộ gia đình trở lên;

Thôn ở xã thuộc các tỉnh Tây Nguyên có từ 200 hộ gia đình trở lên;

Thôn ở xã biên giới, xã đảo; thôn ở huyện đảo không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã có từ 100 hộ gia đình trở lên;

Đối với tổ dân phố ở phường, thị trấn:

Tổ dân phố ở phường, thị trấn thuộc các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc có từ 200 hộ gia đình trở lên;

Tổ dân phố ở phường, thị trấn thuộc các tỉnh Đồng bằng sông Hồng có từ 350 hộ gia đình trở lên. Riêng thành phố Hà Nội có từ 450 hộ gia đình trở lên;

Tổ dân phố ở phường, thị trấn thuộc các tỉnh miền Trung có từ 300 hộ gia đình trở lên;

Tổ dân phố ở phường, thị trấn thuộc các tỉnh miền Nam có từ 400 hộ gia đình trở lên.
Riêng thành phố Hồ Chí Minh có từ 450 hộ gia đình trở lên;

Tổ dân phố ở phường, thị trấn thuộc các tỉnh Tây Nguyên có từ 250 hộ gia đình trở lên;

Tổ dân phố ở phường, thị trấn biên giới, phường, thị trấn đảo; tổ dân phố ở huyện đảo không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã có từ 150 hộ gia đình trở lên.

b) Các điều kiện khác:

Cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

2. Đối với các trường hợp đặc thù

a) Thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, thôn hình thành do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, thôn nằm ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, thôn nằm biệt lập trên các đảo; thôn ở cù lao, cồn trên sông; thôn có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì quy mô thôn có từ 50 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 100 hộ gia đình trở lên.

b) Trường hợp ở khu vực biên giới, hải đảo cách xa đất liền, do việc di dân hoặc để bảo vệ đường biên giới, chủ quyền biển đảo thì việc thành lập thôn, tổ dân phố không áp dụng quy định về quy mô số hộ gia đình nêu tại khoản 1 Điều này.

c) Thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi đường địa giới hành chính cấp xã thì thực hiện giải thể và thành lập mới thôn, tổ dân phố theo quy định. Trường hợp không đạt quy mô về số hộ gia đình thì thực hiện ghép cụm dân cư theo quy định tại Điều 9 Thông tư này”.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

- Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Số: 2191/QĐ - BNV

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực Chính quyền địa phương****BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 7/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương và Vụ trưởng Vụ pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính về phân loại đơn vị hành chính được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

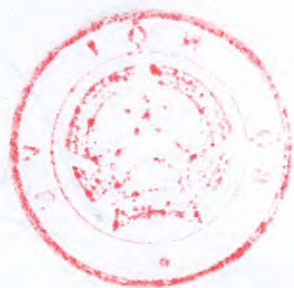
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

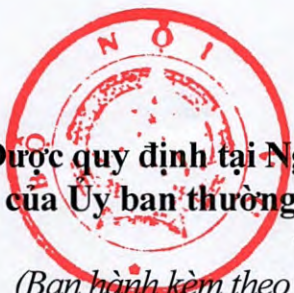
Điều 3. Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Cục kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ;
- Trung tâm thông tin (đăng tải website);
- Lưu: VT, CQĐP (05b).

**Lê Vĩnh Tân**





THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2191/QĐ-BNV ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

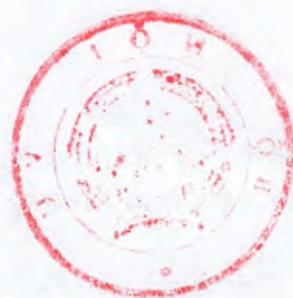
Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh	Chính quyền địa phương	Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương)
2	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp huyện	Chính quyền địa phương	Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương)
II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Chính quyền địa phương	Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Mục 1
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

I. THỦ TỤC PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua.
- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nội vụ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính.
- Bước 3: Bộ Nội vụ tổ chức thẩm định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến.
- Bước 4: Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.



- Bước 5: Thủ tướng chính phủ xem xét quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Bộ Nội vụ.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Nội vụ hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với việc phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính;
- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;
- Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù.

4. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn tổ chức thẩm định là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến.
- Thời hạn Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định ban hành phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh là 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Bộ Nội vụ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương).
- Thẩm quyền quyết định theo quy định: Thủ tướng Chính phủ.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh.

8. Lệ phí

Không có.

9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

II. THỦ TỤC PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc trung ương, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là



cấp huyện) chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Sở Nội vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Bộ Nội vụ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp huyện.

- Bước 4: Bộ Nội vụ tổ chức thẩm định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến.

- Bước 5: Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp huyện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Nội vụ hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện đối với việc phân loại đơn vị hành chính cấp huyện;
- Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính;
- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;
- Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù.

4. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn tổ chức thẩm định là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến;
- Thời hạn Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp huyện là 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương).
- Thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phân loại đơn vị hành chính cấp huyện

8. Lệ phí

Không có.

9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

**Mục 2
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

I. THỦ TỤC PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Bước 2: Phòng Nội vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Nội vụ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

- Bước 4: Sở Nội vụ tổ chức thẩm định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

- Bước 5: Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.

- Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã đối với việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã;
- Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính;
- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;
- Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại;

- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù.

4. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn tổ chức thẩm định là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến.

- Thời hạn Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có liên quan.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính : Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Thẩm quyền quyết định theo quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

8. Lệ phí

Không có.

9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. 